

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 8 - 2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*

giữa chị Trần Thị D và anh Lại Văn T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V , TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều;

2. Bà Dương Thị Lanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXX - ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1982;

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Lại Văn T (P), sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị Duyên và anh Tỉnh đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 6 năm 2022, bản tự khai đề ngày 06 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị D trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lại Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 16 tháng 5 năm 2008. Sau khi kết hôn, ngay từ thời gian đầu vợ chồng chung sống đã không hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính chất công việc của mỗi người khác nhau, anh T thường xuyên phải đi làm ăn xa nhà nên ít có thời gian quan tâm đến vợ con và gia đình. Vợ chồng không có sự gần gũi, quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau. Mỗi lần gặp nhau lại thường xảy ra bất hòa, cãi chửi nhau. Hai bên đã cho nhau cơ hội để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Tình trạng hôn nhân của anh chị ngày một xấu đi. Từ đầu tháng 02 năm 2022, chị D đã đưa các con về nhà mẹ đẻ ở thôn N, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình sinh sống. Vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi từ thời điểm đó. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

1.2 Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lại Thế V, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2008 và Lại Trần Bảo C, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2015. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về chia tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không vay nợ chung ai hay bất cứ cơ quan, tổ chức xã hội nào nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai, Đơn đề nghị về việc gửi tài liệu, chứng cứ; Đơn đề nghị Tòa án tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử vắng mặt đề ngày 14 tháng 7 năm 2022, bị đơn là anh Lại Văn T trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm và nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn đúng như chị D đã trình bày. Mặc dù anh chị đã cho nhau cơ hội để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng quan hệ giữa anh chị vẫn không khá hơn. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 02 năm 2022 đến nay. Anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị D.

Về nuôi con chung: Hiện chị D đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con Lại Thế V và Lại Trần Bảo C nên anh đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Việc chị D không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi hai con chung, anh cũng nhất trí.

Về chia tài sản chung: Anh T trình bày như lời trình bày của chị D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 18 tháng 7 năm 2022, bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ của chị D) trình bày:

Chị D và anh T chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên tính tình không hợp dẫn đến quá trình chung sống thường xảy ra những bất đồng. Anh T thường xuyên vắng nhà nên vợ chồng ít có thời gian để quan tâm đến nhau. Từ đầu tháng 02 năm 2022 đến nay, chị D đã về nhà bà sinh sống. Chị D và anh T sống ly thân nhau từ thời điểm đó, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị D khởi kiện xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị D, để chị D được ly hôn anh T vì anh chị khó có khả năng đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Bà đề nghị Tòa án giao cho chị D nuôi dưỡng cả hai con Lại Thế V và Lại Trần Bảo C. Hiện chị D đang nuôi dưỡng các con tại gia đình bà. Chị D có đủ điều kiện để nuôi con. Gia đình bà cũng sẽ tạo mọi điều kiện hỗ trợ để chị D chăm sóc tốt cho các cháu.

Về tài sản chung của vợ chồng chị D, theo bà được biết, anh chị không có tài sản gì chung. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị D ở chung cùng gia đình anh T, không xây dựng, kiến thiết thêm được gì cho gia đình anh T.

Về nợ chung: Bà M cung cấp anh chị không có khoản vay nợ chung đối với cá nhân hay tổ chức nào.

4. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 20 tháng 7 năm 2022, bà Lại Thị T (là mẹ đẻ của anh T) trình bày như sau: Sau khi kết hôn, anh T và chị D chung sống với nhau tại gia đình bà. Vợ chồng không được hòa thuận, hay xảy ra bất đồng. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, bà T cung cấp đúng như lời trình bày của anh T và chị D. Từ đầu năm 2022, chị D đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Bà đã khuyên bảo, động viên chị D rất nhiều lần nhưng chị D không quay về. Đến nay, chị D vẫn không thay đổi nên bà cũng tôn trọng quyết định ly hôn của chị D.

Về con chung: Do anh T hiện đi làm ăn xa nhà và hai cháu Lại Thế V và Lại Trần Bảo C đang học tập ổn định tại Thành phố T nên bà đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho chị D nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh T không có tài sản chung, không có khoản vay nợ chung đối với cá nhân hay cơ quan, tổ chức xã hội nào.

Về việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án, bà T trình bày: Việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị D, anh T đã biết. Anh T đã tự viết Bản tự khai đưa cho bà để bà giao nộp lại cho Tòa án. Theo đơn của anh T về việc đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng thông qua bà, bà đã nhận được đầy đủ. Sau mỗi lần nhận được bà đều gọi điện thông báo lại ngay cho anh T biết.

5. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, địa phương cung cấp như sau: quá trình chung sống, anh T và chị D hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do anh T đi làm ăn xa nhà, vợ chồng ít có thời gian quan tâm đến nhau. Từ đầu năm 2021 chị D đã đưa các con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay chị D khởi kiện xin ly hôn anh T, địa phương nhận thấy anh chị khó có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Đề nghị Tòa án xem xét giao con chung theo nguyện vọng của anh T, chị D và theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Địa phương nắm được vợ chồng chị D không có tài sản gì chung; cũng không vay nợ chung tổ chức xã hội nào của địa phương.

Ngoài ra, địa phương còn cung cấp thêm: Anh T hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh T đi làm ăn xa nhà nhưng thỉnh thoảng vẫn đi về địa phương.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Lại Văn T.

+ Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con Lại Thế V, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2008 và Lại Trần Bảo C, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2015. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con V và con C nên không đặt ra giải quyết.

+ Về chia tài sản chung: Anh T, chị D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị D có đơn khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Lại Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình, theo đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[1.2] Chị Trần Thị D và anh Lại Văn T đều có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Lại Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 16 tháng 5 năm 2008 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc do tính chất công việc giữa hai bên khác biệt, anh T thường xuyên phải đi làm ăn xa nhà nên hai bên ít có thời gian để quan tâm, chia sẻ với nhau về những khó khăn trong cuộc sống. Mỗi khi gần gũi thì hay xảy ra xung đột. Anh, chị đã tìm mọi biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng và cũng được gia đình bên nội, bên ngoại phân tích, hòa giải nhưng không có tiến triển. Chị D và anh T đều xác định sống ly thân mỗi người một nơi từ đầu năm 2022 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hai bên cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn.

Qua xác minh tại UBND xã H cũng thể hiện chị D và anh T sống ly thân mỗi người một nơi.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần

căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Lại Văn T.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét điều kiện của chị D, quan điểm về con chung của chị D và anh T thấy: Chị D có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, chị D đã giao nộp cho Tòa án Đơn xin xác nhận kèm Phiếu lương để chứng minh mức thu nhập bình quân hàng tháng hiện nay của chị D là 8,3 triệu đồng/tháng. Anh T cũng nhất trí đề nghị Tòa án giao cho chị D nuôi dưỡng cả hai con vì hiện tại các con đang ở cùng chị D, do chị D chăm sóc và nuôi dưỡng. Mặt khác cháu Lại Thế V và Lại Trần Bảo C đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cho chị D trực tiếp nuôi cả hai con. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị D và anh Lại Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Lại Văn T.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Lại Thế V, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2008 và Lại Trần Bảo C, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2015. Ghi nhận việc chị D không yêu cầu anh Lại Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Chị D, anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tại biên lai số 0001237 ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị D và anh Lại Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình;
(GCNKH số 37 ngày 16/5/2008).
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)